

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 8 – 2019
V/v : “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Ngọc

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Cảnh Huy.

2. Ông Nguyễn Phi Hồ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Trảng Bom.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham
gia phiên tòa:** Ông Đinh Ngọc Mạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét
xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 355/2019/TLST- HNGĐ ngày
13/5/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số 44/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 giữa các đương
sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị S**, sinh năm 1988

HKTT: Khu A, ấp NH, xã TH, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu Đ**, sinh năm 1985.

HKTT: Số A, khu A, ấp NH, xã TH, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

(Chị S, anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện, quá trình tiến hành tố tụng và tại bản tự khai, biên bản
hòa giải chị Trần Thị S trình bày:*

Chị và với anh Nguyễn Hữu Đ tự nguyện chung sống và tổ chức đám cưới
vào năm 2010. Có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tây Hòa, huyện
Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 118/KH, ngày
23/11/2010. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc, nguyên
nhân là do bất đồng về quan điểm sống, lối sống, vợ chồng hai cãi vã lẫn nhau. Đời
sống hôn nhân ngày càng ngột ngạt, nặng nề, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm

2018 đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Đức H, sinh ngày 24/11/2011 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 18/5/2016. Ly hôn chị S xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung và yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về Nợ chung: Chị cam kết vợ chồng anh chị không có nợ chung.

- Về án phí: Chị xin tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Theo bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Hữu Đ trình bày:

Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh xây dựng gia đình theo chị Trần Thị S trình bày là đúng.

Quá trình chung sống anh thừa nhận là vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không hiểu và tôn trọng nhau, thường xuyên bất đồng ý kiến nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, mỗi người sống một nơi. Nay chị S yêu cầu ly hôn do anh Đ là người đạo công giáo nên không đồng ý ly hôn vì đạo không cho phép ly hôn. Nếu chị S vẫn cương quyết ly hôn thì Tòa án cứ giải quyết theo yêu cầu của chị S anh Đ không có ý kiến gì.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Đức H, sinh ngày 24/11/2011 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 18/5/2016. Nếu ly hôn anh xin được giao cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh cam kết vợ chồng anh chị không có nợ chung.

- Theo biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2019 của cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 24/11/2011 trình bày: Cháu có nguyện vọng được chung sống với mẹ cháu là chị Trần Thị S

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ. Về con chung giao 02 con chung là Nguyễn Đức H, sinh ngày 24/11/2011 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 18/5/2016 cho chị Trần Thị S trực tiếp, nuôi dưỡng và anh Nguyễn Hữu Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng(một triệu đồng)/1 con. Về tài sản không có, về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn”. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Hữu Đ đầy đủ. Sau khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử thì cả anh Đ và chị S đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ và chị S.

Về nội dung tranh chấp:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ giữa chị Trần Thị Svà anh Nguyễn Hữu Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì anh chị lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Qua trình bày của chị S xét thấy cuộc sống chung giữa chị và anh Nguyễn Hữu Đ không có hạnh phúc, không có tiếng nói chung, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau và không thể hàn gắn được, chị S và anh Nguyễn Hữu Đ đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay nên chị S xin được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ. Tại bản tự khai của anh Nguyễn Hữu Đ cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhưng không được, anh và chị S đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị S yêu cầu ly hôn do anh Đ là người đạo công giáo nên anh không đồng ý ly hôn vì đạo không cho phép ly hôn. Nếu chị S vẫn cương quyết ly hôn thì anh yêu cầu Tòa án cứ giải quyết theo yêu cầu của chị S anh Đ không có ý kiến gì. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị S và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, trên thực tế chị S và anh Đ cũng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, hòa thuận đã không đạt được. Đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Lý do anh Đ cho rằng anh là người theo đạo công giáo nên anh không đồng ý ly hôn vì đạo không cho ly hôn như phần trình bày ở trên là không chính đáng vì pháp luật không quy định nên yêu cầu của chị Trần Thị S về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ là có cơ sở chấp nhận. Từ lý do trên, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị S, cho chị Trần Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị S yêu cầu được nuôi cả hai con khi ly hôn và anh Nguyễn Hữu Đ đồng ý giao cả hai con cho chị S, bản thân cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 24/11/2011 cũng có nguyện vọng được chung sống với mẹ nên việc giao cả hai con chung cho chị Trần Thị S trực tiếp, nuôi dưỡng con chung là phù hợp. Do vậy chấp nhận yêu cầu của chị S: Giao hai cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 24/11/2011 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 18/5/2016 cho chị Trần Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và anh Nguyễn Hữu Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng(một triệu đồng)/1 con.

[3] Về tài sản chung: Chị Trần Thị S và anh Nguyễn Hữu Đ khai hai vợ chồng anh chị không có nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Chị Trần Thị S và anh Nguyễn Hữu Đ cam kết anh chị không có nợ chung. Do vậy Tòa án không giải quyết về nợ chung của chị S, anh Đ trong vụ án này.

[5] Về án phí ly hôn: Trong bản tự khai chị Trần Thị S tự nguyện chi án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con và án phí dân sự cấp dưỡng nuôi con, anh Đ không có ý kiến nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện về việc chị S

chịu án phí cấp dưỡng nuôi con thay anh Đ. Do đó, chị Trần Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

[6] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều: 51, 56, 58, 81, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Các Điều: 28, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị S. Chị Trần Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ.

2. Về con chung: Giao cả hai cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 24/11/2011 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 18/5/2016 cho chị Trần Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Hữu Đ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*)/1 con. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật đến khi cháu H và cháu T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Nguyễn Hữu Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị S và anh Nguyễn Hữu Đ khai hai vợ chồng anh chị không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị S và anh Nguyễn Hữu Đ khai hai vợ chồng không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị S phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con và 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Khấu trừ số tiền

300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con vào tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp theo biên lai thu số: 0006666 ngày 13/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị S còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

6. Chị Trần Thị S và anh Nguyễn Hữu Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (cấp giấy chứng nhận kết hôn số 118, ngày 23/11/2010);
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Hồng Ngọc